

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/BH-NH/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 058.3620040 Fax: 058.3620143 Email: duongninhhoa@nhs.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4200636590

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 648308

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường Trắng Tiêu Chuẩn (Standard White Sugar)**
2. Thành phần: Đường mía (Saccharose: 99.7%)
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Đường trắng tiêu chuẩn được chứa trong 2 lớp bao bì: PE bên trong và PP bên ngoài.
 - Khối lượng tịnh: 50 kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ:

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

5.2. Địa chỉ sản xuất: Đường trắng tiêu chuẩn được sản xuất và đóng gói tại:

Cơ sở 1: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Địa chỉ: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Cơ sở 2: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Cơ sở 3: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai – Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An



Địa chỉ: Ấp 1, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “C” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy C

Cơ sở 4: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Cơ sở 5: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Địa chỉ: 160 Bắc Ái, P. Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy E

Cơ sở 6: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX: dd.mm.yy F

Cơ sở 7: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai – Nhà máy

đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh

Địa chỉ: 561A đường Trần Phú, ấp Tân Phước, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “B” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy B

Cơ sở 8: Công ty cổ phần Đường Nước Trong

Địa chỉ: xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “H” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX: dd.mm.yy H

Cơ sở 9: Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu

Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “I” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy I

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chi	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1
5	Hàm lượng Đồng	mg/kg	2

2. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	CFU/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	CFU/10g	10

3. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT Giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- 5.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể sáng, toí khô. Khi chịu lực nén, các tinh thể có thể bị nén lại và vón cục nhẹ, toí ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể và dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Dung dịch: dung dịch trong suốt khi pha với nước cất.

- 5.2 Các chỉ tiêu hóa lý:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Đường Saccharose (Pol)	%	≥ 99.7
2	Độ ẩm	%	≤ 0.07
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 0.07
5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.1



5.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO₂.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	< 10

6. Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

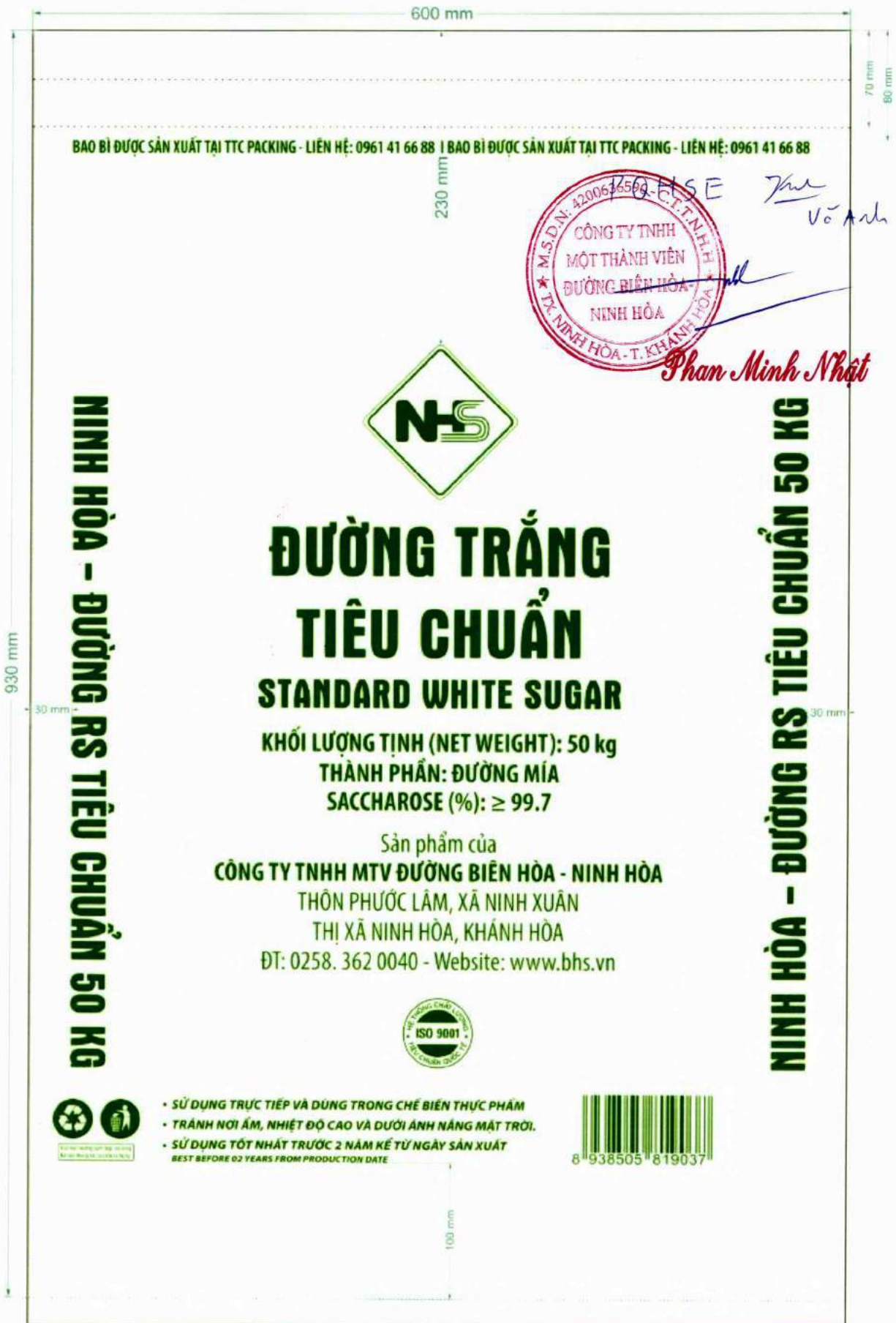
7. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Hòa, ngày 9 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP 

Phan Minh Nhật



Phan Minh Nhật



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI.
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 2 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



TTC TTC PACKING			Tên khách hàng: TTC GIA LAI
CÔNG TY CP SX - TM BAO BÌ THÀNH THÀNH CÔNG			Tên maquette: Đường trắng tiêu chuẩn NHS 50kg
Thông tin	Họ và tên	Ký tên	Mã maquette: DDGiaLai001-02
NV.TK	NV.Xuân		Kích thước bao: 60x93 cm lọt lồng
TP.KD/KH			Nội dung sửa đổi: Đường Mía
TP.QL/CL	PD.Vũ		Ngày hiệu lực: / /
BTGD/GDCN (nếu có)			Màu: ☒ Xanh lá

KT3-07768BTP8/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

11/12/2018

Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 03/12/2018
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 03/12/2018 - 11/12/2018
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA
Customer Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02 - 03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory - Trạng thái bên ngoài/ Appearance - Màu sắc / Color - Mùi Vị / Odor & taste	TCVN 6958:2001	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, hơi khô, không vón cục/ White crystal, relatively same in size, dry Tinh thể trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt/ White crystal, clear solution when adding in water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste
7.2. Độ Pol ở 20°C (°Z) Polarization at 20°C	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugar content (m/m)	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA	-	3,00 x 10 ⁻²
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	3,2 x 10 ⁻²
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	1,30 x 10 ⁻²
7.6. Độ màu/ Color, IU	GS 2/3 - 9 (2005) ICUMSA	-	140



7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg <i>Insoluble matter content</i>	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA	-	8,23
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	AOAC 2016 (999.11)	0,006	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 083:2012	0,03	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016	0,015	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	4,55
7.13. Hàm lượng aflatoxin, μg/kg <i>Aflatoxin content</i>	TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• B ₂		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₁		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₂		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.14. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , μg/kg <i>Aflatoxin B₁ content</i>	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>

KT3-07768BTP8/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/12/2018
 Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
 Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 03/12/2018
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 03/12/2018 - 11/12/2018
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA
Customer
 Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/10 g	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	2,0 x 10 ¹
7.2. Tổng số nấm men, <i>Total yeasts</i>	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	8,0 x 10 ⁰
7.3. Tổng số nấm mốc, <i>Total moulds</i>	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/Notes: (*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Report N°: 1812100083

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: December 10, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 10/12/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/12651
Đơn hàng: FDL18/12651

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : THÔN PHƯỚC LÂM, XÃ NINH XUÂN, THỊ XÃ NINH HÒA,
Địa chỉ TỈNH KHÁNH HÒA

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: SUGAR Đường
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 600g) in plastic bag Mẫu (khoảng 600g) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: December 03, 2018 03/12/2018
Testing period Thời gian thử nghiệm	: December 03 – December 10, 2018 03/12/2018 – 10/12/2018
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay
Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonline.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.

**SGS****Report N°: 1812100083**

Page N°: 2/ 5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

SGS**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticatesCertificate.jsp>

**SGS****Report N°: 1812100083****Page N°: 3/ 5**

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrine (sum of isomers) <i>Cypermethrine (tổng các đồng phân)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole <i>Propiconazole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	BS EN 15662:2018, mod ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg

SGS**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	BS EN 15662:2018, mod ⁽¹⁾	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axit), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639 ⁽¹⁾	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.02	mg/kg

Note/Ghi chú:

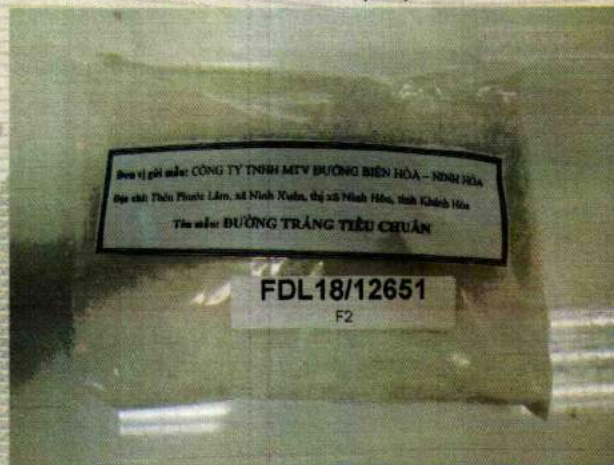
- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- ⁽¹⁾ The method is not currently within the ISO 17025 accreditation scope/ *Phương pháp chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025*


SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay
 Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
 Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
 The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.